TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **42**/2021/DS-ST
Ngày: 19 - 8 - 2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Vy.

Bà Trần Thị Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên toà: Ông Lê Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 137/2021/TLST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2021 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 139/2021/QĐST-DS ngày 28/7/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP D;

Địa chỉ: Đường L, quận N, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông V.M.T – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông N.Đ.T.T; có mặt.

- Bị đơn: Bà Lê T.H, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Đường D, phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hà V.H, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Đường D, phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/10/2020, người đại diện của Ngân hàng TMCP D trình bày:

Trên cơ sở Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn của người vay là bà Lê T.H, người bảo lãnh là ông Hà V.H (chồng bà H) và được Hội Liên hiệp phụ nữ phường L, thành phố H ký xác nhận. Ngày 20/4/2017, bà Lê T.H và Ngân hàng TMCP D, chi nhánh thành phố H, Phòng giao dịch MTL đã ký kết Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00345650/0139695101T17043. Theo hợp đồng, số tiền vay là 20.000.000 đồng, mục đích vay là để mua dụng cụ, sửa chữa và bổ sung vốn sản xuất kinh doanh; thời hạn vay 24 tháng; mức lãi suất tính trên dư nợ ban đầu trong hạn là 10,2%/năm, tương đương lãi suất cho vay tính trên dự nợ thực tế là 19,58%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất trong hạn; phương thức trả nợ gốc và lãi vay được chia làm 24 kỳ, mỗi kỳ (hàng tháng) bên vay phải trả là 1.005.000 đồng, thời điểm bắt đầu trả là từ ngày 12/5/2017.

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng cho vay trả góp, Ngân hàng TMCP D đã tiến hành giải ngân đủ số tiền 20.000.000 đồng cho bà Lê T.H. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Lê T.H chỉ thanh toán cho Ngân hàng TMCP D tổng số tiền gốc và lãi là: 9.045.000 đồng; trong đó: số tiền gốc là 6.409.600 đồng, tiền lãi trong hạn là 2.430.400 đồng và tiền lãi quá hạn là 205.000 đồng. Sau đó, bà H không tiếp tục trả nợ gốc và lãi theo đúng kỳ hạn như thỏa thuận. Mặc dù Ngân hàng TMCP D đã nhiều lần nhắc nhở và yêu cầu trả nợ nhưng bà H vẫn không thanh toán nợ. Tính đến ngày 20/10/2020, bà Lê T.H còn nợ Ngân hàng TMCP D tổng công số tiền gốc và lãi là 19.513.825 đồng. Do đó, Ngân hàng TMCP D khởi kiện yêu cầu bà Lê T.H và ông Hà V.H phải trả số tiền trên và lãi suất phát sinh từ ngày 21/10/2020 cho đến khi trả hết nợ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện của Ngân hàng TMCP D thay đổi nội dung khởi kiện, yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bà Lê T.H phải trả cho Ngân hàng TMCP D tổng cộng số tiền nợ còn thiếu tính đến ngày hôm nay 19/8/2021 là: 21.326.134 đồng (trong đó: nợ gốc: 13.590.400 đồng, nợ lãi trong hạn: 1.649.600 đồng, nợ lãi quá hạn: 6.086.134 đồng); đồng thời buộc bà Lê T.H phải tiếp tục chịu số tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc còn lại theo mức lãi suất nợ quá hạn trong Hợp đồng cho vay trả góp đã ký kết giữa Ngân hàng TMCP D và bà Lê T.H tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức là tính từ ngày 20/8/2021) cho đến khi trả hết nợ vay. Trong trường hợp bà Lê T.H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc không trả hết nợ thì đề nghị Tòa án xem xét buộc người bảo lãnh là ông Hà V.H (chồng bà H) phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bà Lê T.H theo đúng cam kết tại mục IV của Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 01/4/2017.

Kèm theo yêu cầu khởi kiện, người khởi kiện đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần của Ngân hàng TMCP D (Bản sao); Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh của Ngân hàng TMCP D (Bản sao); Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của Ngân hàng TMCP D – chi nhánh thành phố H - Phòng giao dịch MTL (Bản sao); Quyết định số 166/QĐ-HĐQT-DAB ngày 12/10/2015 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP D về việc thay đổi tên gọi và địa điểm Phòng giao dịch Ngân hàng TMCP D – chi

nhánh thành phố H (Bản sao); Quyết định số 168/QĐ-DAB-HĐQT ngày 30/9/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP D về việc gia hạn thời gian giữ chức vụ của ông NH.Đ.D (Bản sao); Quyết định ủy quyền số 11/QĐ-DAB-HĐQT ngày 24/01/2019 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP D (Bản sao); Quyết định số 292/QĐ-DAB-PC ngày 23/3/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP D về việc ủy quyền thường xuyên cho ông N.H.Đ.D (Bản sao); Giấy ủy quyền của Giám đốc chi nhánh Ngân hàng TMCP D (Bản chính); Chứng minh nhân dân của Lê T.H và Hà V.H (Bản photo); Sổ hộ khẩu chủ hộ Hà V.P (Bản photo); Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn (Bản sao); Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00345650/0139695101T17043 ngày 20/4/2017 (Bản sao); Danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ (Bản photo); Bảng sao kê hoạt động của khách hàng vay (Bản chính); Bảng tính lãi quá hạn (Bản chính); Thông báo khởi kiện (Bản chính).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập, niêm yết, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng bà Lê T.H và ông Hà V.H đều không đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không thể lấy lời khai của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đều chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng, không có vi phạm gì cần phải kiến nghị khắc phục.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại các Điều 70 và 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là bà Lê T.H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên là ông Hà V.H đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

- Về sự vắng mặt của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tại phiên tòa hôm nay, bà Lê T.H và ông Hà V.H đã được Tòa án triệu tập, tống đạt, niêm yết hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

- Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 19/8/2021 là: 21.326.134 đồng và số tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc còn lại theo mức lãi suất quá hạn hai bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ vay là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP D về việc buộc ông Hà V.H (chồng bà Lê T.H) phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bà H trong trường hợp bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc không trả hết nợ là phù hợp với cam kết của người bảo lãnh tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 01/4/2017 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn là bà Lê T.H phải chịu theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của các đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng TMCP D khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng cho vay trả góp đối với bị đơn là bà Lê T.H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hà V.H đều có địa chỉ: Đường D, phường HL, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Căn cứ Tiểu mục 13.1 Mục 13 của Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00345650/0139695101T17043 ngày 20/4/2017; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế thụ lý giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là bà Lê T.H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hà V.H đã được Tòa án triệu tập, tống đạt, niêm yết hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập, niêm yết, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà Lê T.H và ông Hà V.H đều không đến làm việc, không cung cấp tài liệu, chứng cứ là tự chối bỏ việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như các giấy tờ tài liệu thu thập được để giải quyết vụ án.

[2] Về quyền khởi kiện của người khởi kiện và tính hợp pháp Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00345650/0139695101T17043 ngày 20/4/2017:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số: 0301442379, đăng ký lần đầu ngày 08/4/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 39 ngày 11/9/2015 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp thì Ngân hàng TMCP D được thành lập và tổ chức hoạt động tín dụng dưới hình thức Công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00345650/0139695101T17043 ký kết ngày 20/4/2017 giữa Ngân hàng TMCP D và bà Lê T.H có xác nhận của Hội Liên

hiệp phụ nữ phường L, thành phố H về việc bảo đảm cho người vay vốn là thuộc loại hợp đồng được bảo đảm bằng tín chấp theo quy định tại các Điều 344 và 345 của Bộ luật dân sự. Các điều khoản ký kết trong hợp đồng này đều không trái pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại các Điều 385, 398, 401, 463, khoản 5 Điều 466 và 468 của Bộ luật dân sự. Vì vậy, Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00345650/0139695101T17043 ngày 20/4/2017 là hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia ký kết. Hiện tại, bà Lê T.H còn thiếu nợ nhưng không trả đúng hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng nên Ngân hàng TMCP D khởi kiện là có cơ sở.

[3] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện của Ngân hàng TMCP D thay đổi nội dung khởi kiện, yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bà Lê T.H phải có nghĩa vụ trả nợ, trường hợp bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc không trả hết nợ thì buộc người bảo lãnh là ông Hà V.H (chồng bà H) phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bà Lê T.H theo cam kết tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 01/4/2017, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc thay đổi yêu cầu này không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện nên cần chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

Sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00345650/0139695101T17043 ngày 20/4/2017, Ngân hàng TMCP D đã tiến hành giải ngân cho bà Lê T.H số tiền cho vay 20.000.000 đồng là đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà Lê T.H phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi trong thời hạn 24 kỳ (24 tháng), số tiền gốc và lãi phải trả mỗi kỳ là 1.005.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Lê T.H chỉ trả cho Ngân hàng TMCP D tính đến ngày 24/01/2019 với tổng số tiền gốc và lãi là: 9.045.000 đồng. Sau đó, bà H không tiếp tục trả nợ gốc và lãi theo đúng kỳ hạn là không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo đúng thỏa thuận nên đã vi phạm hợp đồng. Tính đến ngày 19/8/2021, bà Lê T.H còn nợ của Ngân hàng TMCP D tổng cộng số tiền gốc và lãi là 21.326.134 đồng (trong đó: nợ gốc: 13.590.400 đồng, nợ lãi trong hạn: 1.649.600 đồng, nợ lãi quá hạn: 6.086.134 đồng). Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP D về việc buộc bà Lê T.H phải trả tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi nêu trên là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 280, 282 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về yêu cầu của Ngân hàng TMCP D về việc buộc bà Lê T.H phải tiếp tục trả số tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc còn lại theo mức lãi suất nợ quá hạn trong Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00345650/0139695101T17043 ngày 20/4/2017 giữa Ngân hàng TMCP D và bà Lê T.H tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ vay, thấy rằng: Yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn và các điều khoản trong Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00345650/0139695101T17043 ngày 20/4/2017, phù hợp với quy định tại Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày

11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên cần chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP D về việc buộc người bảo lãnh là ông Hà V.H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho người vay là bà Lê T.H trong trường hợp bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc không trả hết nợ thấy rằng: Theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn giữa người vay là bà Lê T.H, người bảo lãnh là ông Hà V.H (chồng bà H), được Hội Liên hiệp phụ nữ phường L, thành phố H ký xác nhận ngày 01/4/2017, tại mục IV về phần cam kết của người bảo lãnh có ghi: "*Tôi cam kết trong trường hợp bà Lê T.H không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ hàng kỳ cho Ngân hàng D, tôi sẽ trả nợ thay cho người vay cho đến khi hết nợ vay tại Ngân hàng D*". Xét cam kết này của ông Hà V.H là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia ký kết. Do đó, Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê T.H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 1 Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 280, 282, 344, 345, 385, 398, 401, 463, khoản 5 Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP D;

Buộc bà Lê T.H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP D số tiền nợ còn thiếu là: 21.326.134 đồng (Hai mươi mốt triệu, ba trăm hai mươi sáu nghìn, một trăm ba mươi bốn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Lê T.H còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc còn lại theo mức lãi suất nợ quá hạn trong Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00345650/0139695101T17043 ngày 20/4/2017 giữa Ngân hàng TMCP D và bà Lê T.H cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP D thì lãi suất mà bà Lê T.H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP D theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP D.

Trong trường hợp bà Lê T.H không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì ông Hà V.H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bà Lê T.H theo đúng cam kết của người bảo lãnh tại mục IV của Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn giữa người vay là bà Lê T.H và người bảo lãnh là ông Hà V.H, được Hội Liên hiệp phụ nữ phường L, thành phố H ký xác nhận ngày 01/4/2017.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Lê T.H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.326.134 đồng x 5% = 1.066.306 đồng.

Ngân hàng TMCP D không phải chịu án phí nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 487.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002510 ngày 14/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt nên có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT–Huế (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thành phố H;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Lưu Tòa DS; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Nam